

Số: 35/BC-MNĐA

Gò Quao, ngày 17 tháng 9 năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm 2025**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên trường**

Trường Mầm non Định An.

**2. Địa chỉ**

Ấp An Hòa, xã Gò Quao, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0297.3825177

Website: <https://mamnondinhan.edu.vn>

Email: [c0dinhan.goquao.kiengiang@gmail.com.vn](mailto:c0dinhan.goquao.kiengiang@gmail.com.vn)

**3. Loại hình; Chức năng, nhiệm vụ:**

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Gò Quao.

Nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục mầm non; Thực hiện công tác phổ cập mầm non tại đơn vị xã Gò Quao.

**4. Mục tiêu giáo dục**

Xây dựng và duy trì trường Mầm non Định An là trường chuẩn quốc gia. Chú trọng nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Thực hiện lấy trẻ làm trung tâm, xây dựng trường mầm non hạnh phúc; Coi trọng giáo dục kỹ năng sống; Nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; Đẩy mạnh các phong trào thi đua.

**5. Quá trình thành lập và phát triển:**

Trường Mầm non Định An được thành lập theo Quyết định số 1334/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2004, dưới loại hình trường mầm non công lập. Khi mới thành lập chỉ với 7 lớp và 13 nhân sự, điều kiện cơ sở vật chất rất khó khăn do tiếp nhận sử dụng 5 phòng học cấp 4 đã xuống cấp từ trường tiểu học bàn giao lại, đồng thời một số lớp phải học nhờ ở điểm lẻ của các trường tiểu học trong địa bàn xã. Thời điểm đó nhà trường gặp rất nhiều khó khăn về mọi mặt như cơ sở vật chất, tài chính, chế độ chính sách đối với giáo viên còn nhiều bất cập do tình hình chung trên toàn huyện. Nhờ sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, chính quyền địa phương, từ năm 2009 đến năm 2013 đã xây dựng tổng số 12 phòng học kiên cố, 1 nhà bếp, phòng quản trị, văn phòng trường ... trên diện tích đất 6749,5m<sup>2</sup> giúp cho bộ mặt của nhà trường thay đổi và khởi sắc. Năm 2016 nhà trường được công nhận trường

chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Kiên Giang. Nhà trường đặt trên địa bàn xã thuộc vùng nông thôn với địa bàn rộng, giao thông đi lại tương đối thuận lợi, dân cư đông với 18.099 nhân khẩu, trong đó có tỷ lệ hộ nghèo chiếm 2,07% và cận nghèo là 2,48%, có trên 60% là người dân tộc Khmer. Nhân dân trên địa bàn sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp là chính, ngoài ra có kinh doanh thương mại, chăn nuôi nhỏ lẻ. Một số ít phụ huynh học sinh chưa thật sự quan tâm đến việc học tập của con em mình, còn phó mặc con em mình cho nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể trên địa bàn trong việc tuyên truyền nhận thức của nhân dân cho con em mình được đi học, được tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường góp phần nâng cao hơn nữa dân trí của địa phương.

Tháng 11 năm 2023, nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định số 1609/QĐ-SGDĐT ngày 29/11/2023 về việc công nhận và cấp Chứng nhận trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2; UBND tỉnh Kiên Giang ra quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 về việc công nhận và cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Tháng 7 năm 2025 thực hiện sáp nhập chính quyền hai cấp, nhà trường trực thuộc sự quản lý của xã Gò Quao. Được UBND xã Gò Quao ra quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 quyết định tạm giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn xã Gò Quao.

Trong suốt quá trình hơn 20 năm hình thành và phát triển, nhà trường đã có sự thay đổi rõ rệt. Từ lúc cơ sở vật chất còn thiếu thốn, xuống cấp, nhân sự thiếu và trình độ chỉ trung cấp, đến nay bộ mặt ngôi trường khang trang, sạch đẹp, đội ngũ nhân sự đủ về số lượng, trình độ chuyên môn đều đạt chuẩn và trên chuẩn, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ ngày một nâng cao.

#### **6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện:**

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Ấp An Hòa, xã Gò Quao, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0945678386

Email: nguyet.tdbn@gmail.com

#### **7. Quyết định thành lập trường**

Quyết định số 1334/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2004 của UBND huyện Gò Quao.

#### **8. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

- Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng Nguyễn Thị Ánh Nguyệt: Quyết định số 5675/QĐ-UBND, ngày 06/11/2023 về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý;

Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Gò Quao về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng Phạm Thị Bửu Di: Quyết định số 5670/QĐ-UBND, ngày 06/11/2023; Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND xã Gò Quao về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng Lê Kim Ngân: Quyết định số 10105/QĐ-UBND, ngày 15/11/2021; Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND xã Gò Quao về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

### **9. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy**

\* Cơ chế hoạt động của trường Mầm non Định An:

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó.

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác đề xuất khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý trẻ em và các hoạt động của trẻ do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại bé chăm, bé chăm ngoan, học sinh, ký quyết định hoàn thành chương trình mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, trẻ em; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

\* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Chức năng: Tiếp nhận và quản lý trẻ em từ 2 đến 5 tuổi. Thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục toàn diện cho trẻ từ 2 đến 5 tuổi trên địa bàn xã Gò Quao.

Nhiệm vụ, quyền hạn: Tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Theo dõi và thực hiện kế hoạch, chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục toàn diện cho trẻ trong nhà trường. Quản lý, sử dụng đất đai, trang thiết bị, tài chính và nhân sự theo quy định của pháp luật. Chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ, các ban ngành đoàn thể và chính quyền địa phương trong việc tổ chức các hoạt động, tuyên

truyền, phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ và các hoạt động khác theo quy định trong Điều lệ trường Mầm non hiện hành.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động trong nhà trường. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **11. Tổ chức bộ máy**

- 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

- 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

- Hội đồng tư vấn.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 28 đảng viên.

### **12. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường**

- Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Ấp An Hòa, xã Gò Quao, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0945678386. Email: nguyet.tdbn@gmail.com

- Phạm Thị Bửu Di – Phó Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Ấp An Hòa, xã Gò Quao, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 082.8624207. Email: buudipham@gmail.com

- Lê Kim Ngân – Phó Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Ấp An Hòa, xã Gò Quao, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 039.2967818. Email: lengan7777777@gmail.com

## **II. ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN**

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên đa số trẻ, đảm bảo về trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, sáng tạo. Tập có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần đấu tranh phê và tự phê tốt, có tinh thần cầu tiến.

Đội ngũ nhân viên thạo việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

Đội ngũ QL, giáo viên và nhân viên Mẫu non Định An năm học 2025- 2026 cụ thể:

1. Số lượng giáo viên, quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

- Viên chức quản lý: Tổng số 3; Biên chế 3; Trình độ: Đại học 2, Thạc sỹ 1.
- Giáo viên: Tổng số: 27; Trình độ Đại học: 26, Cao đẳng: 1
- Hạng chức danh nghề nghiệp: Hạng 2 (3 người); Hạng 3 (28 người).
- Nhân viên: Tổng số: 7; Trong đó biên chế: 1 (nhân viên kế toán); Hợp đồng: 6 (4 nấu ăn, 1 bảo vệ, 1 phục vụ).
- Trình độ: 1 Đại học (Kế toán).

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- QL đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt: 3/3=100%
- GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp là: 27/27

Chuẩn nghề nghiệp GVMN mức tốt: 27/27 đạt 100%

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, quản lý hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên hàng năm theo quy định:

Năm học 2024-2025 có tổng số 30 quản lý và giáo viên (3 quản lý, 27 giáo viên), tỷ lệ 100% quản lý, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm thường xuyên theo quy định.

### III. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Tổng diện tích trường: 6.749,5 m<sup>2</sup>/409 trẻ em (điểm chính), đạt tỷ lệ 16,5 m<sup>2</sup>/1 trẻ em, cao hơn so với diện tích sử dụng đất bình quân tối thiểu 12m<sup>2</sup>/trẻ đối với khu vực nông thôn và miền núi.

**2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định**

- Trường có 12 phòng học kiên cố tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; có 12 khu vệ sinh cho giáo viên, học sinh tại các phòng học; 2 phòng học tại diêm là học nhờ trên đất nhà dân.

- Phòng hành chính quản trị: 6

- Bếp ăn 1 chiều: 1

- Hiện còn thiếu 01 phòng học giáo dục thể chất, 1 phòng nghệ thuật, 1 phòng thư viện.

**3. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định**

12/14 nhóm lớp có tương đối đủ thiết bị, đồ dùng theo quy định.

Trường có đủ số lượng đồ chơi ngoài trời (5 bộ), thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

##### **1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục**

Trường tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đạt Cấp độ 2, chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Xây dựng Kế hoạch duy trì chuẩn quốc gia năm học 2025-2026.

**2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài hằng năm**

- Nhà trường được kiểm tra đánh giá và công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2016 và được công nhận chuẩn lại mức độ 1 tháng 11 năm 2023.

- Kế hoạch nâng chuẩn mức độ 2 giai đoạn 2026 – 2030 (năm 2029).

**3. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp (nếu có)**

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp:

Có kế hoạch phối hợp với trung tâm ngoại ngữ Lê Khiêm thực hiện cho trẻ mẫu giáo học chương trình làm quen với tiếng Anh.

- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tăng cường Tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non.

#### **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON**

## 1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

Kế hoạch số 06/KH-MN ngày 20/4/2025, Kế hoạch tuyển sinh trẻ mầm non năm học 2025-2026.

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc

c) Kế hoạch phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội (Xây dựng thực đơn theo tuần).

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có): Dịch vụ bán trú theo Nghị quyết 23/2023/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND Tỉnh Kiên Giang.

## 2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước (Năm học 2024-2025)

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép)

- Nhà trường có: 14 lớp, trong đó 2 lớp 3 tuổi, 4 lớp 4 tuổi, 7 lớp 5 tuổi và 01 nhóm trẻ.

- Huy động trẻ ra lớp:

Tổng số trẻ huy động trên địa bàn từ 2 đến 5 tuổi: 463 trẻ, trong đó:

2 tuổi: 26/115, tỷ lệ 22,61%

3 tuổi: 57/152, tỷ lệ 37,5%

4 tuổi: 130/153, tỷ lệ 84,97%

5 tuổi: 250/250, tỷ lệ 100%.

3,4 tuổi: 187/305, tỷ lệ 61,31%

3-5 tuổi: 437/555, tỷ lệ 78,74%.

- Tổng số trẻ học thực tế trong trường: 474 trẻ, trong đó:

2 tuổi: 27 trẻ

3 tuổi: 56 trẻ

4 tuổi: 126 trẻ

5 tuổi: 265 trẻ.

Số trẻ học bán trú: 400/474, tỷ lệ 84,39%

Số trẻ học 2 buổi/ngày: 74/474, tỷ lệ 15,61%.

+ b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (không có)

- c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 474 trẻ  
 d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 400 trẻ  
 đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 474 trẻ  
 e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.  
 g) Số trẻ em khuyết tật: Không có.

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Công khai tài chính chi tiết năm 2024

a) Nguồn ngân sách:

\* Dự toán ngân sách cấp: 5.028.548.080 đồng

- Nguồn 13: Tổng dự toán được sử dụng: 3.755.238.551 đồng
- Nguồn 14: Tổng dự toán được sử dụng: 1.096.260.529 đồng
- Nguồn 12: Tổng dự toán được sử dụng: 36.449.000 đồng
- Nguồn 18: Tổng dự toán được sử dụng: 140.600.000 đồng

Tổng số đã chi đến thời điểm báo cáo: 5.004.751.814 đồng

Tỷ lệ đạt: 99,53% tổng ngân sách cấp.

+ Nguồn 12:

Đã chi: 36.449.000 đồng.

Tồn : 0 đồng.

+ Nguồn 13:

- Kinh phí lương ổn định:

Đã chi: 3.131.641.560 đồng.

Tồn : 23.350.429 đồng.

- Kinh phí thuê lao động:

Chi bảo vệ, cấp dưỡng: 195.262.512 đồng

Tồn: 0 đồng

- Kinh phí hoạt động:

+ Đã chi : 404.965.525 đồng.

+ Tồn : 18.525 đồng.

+ Nguồn 14:

Đã chi: 1.095.833.234 đồng.

Tồn: 427.295 đồng.

+ Nguồn 18:

Đã chi : 140.599.983 đồng

Tồn: 17 đồng

Số tiền còn lại từ nguồn 13 và nguồn 14 sẽ được chuyển sang năm 2025 sử dụng tiếp tục.

b) Nguồn dịch vụ: Học phí được sử dụng năm 2024: 185.719.342 đồng. đã chi: 171.867.291 đồng, tồn: 13.852.051 đồng.

\* Kinh phí 40% sử dụng cải cách tiền lương: 109.446.771 đồng.

- Đã chi: 109.446.771 đồng.

- Tồn 0 đồng.

\* Kinh phí 60% sử dụng chi hoạt động thường xuyên: 73.897.211 đồng.

- Đã chi: 60.045.160 đồng.

- Đã chi nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp: 2.375.360 đồng

- Tồn: 13.852.051 đồng. Chuyển sang năm 2025 sử dụng tiếp tục

**2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp, miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025**

Nội dung	Số học sinh	Số tiền
Miễn giảm học phí	271	140.910.000
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.	05	14.360.000
Học kỳ I	03	1.800.000
Học kỳ II	03	2.250.000

**3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến các khoản thu năm học 2025-2026**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
<b>Năm học 2024-2025</b>				
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	58.000	
2	Tiền ăn bán trú	Đồng/học sinh/ngày	30.000	
3	Dịch vụ học Tiếng Anh	Đồng/học sinh/tháng	80.000	
4	Dịch vụ học bơi	Đồng/học sinh/tháng	60.000	

5	Dịch vụ AEROBIC	Đồng/học sinh/tháng	80.000	
	<b>Năm học 2025-2026</b>			
1	Tiền ăn bán trú	Đồng/học sinh/ngày	30.000	
2	Dịch vụ bán trú	Đồng/học sinh/tháng	200.000	Căn cứ theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang
3	Dịch vụ học Tiếng Anh	Đồng/học sinh/tiết	7.000	1 tuần 2 tiết
4	Dịch vụ học AEROBIC	Đồng/học sinh/tiết	7.000	1 tuần 2 tiết

#### 4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại Kho bạc ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Dự toán tiền lương	Đồng	23.796.249	Chuyển năm 2025
2	Dự toán không thường xuyên	Đồng	17	Hủy dự toán
3	Dự toán tiền gửi (Học phí)	Đồng	13.852.051	Chuyển năm 2025

#### 5. Công khai dự toán thu, chi năm 2025

a) Nguồn ngân sách:

\*Dự toán ngân sách cấp: 5.597.948.603 đồng

- Nguồn 13: Tổng dự toán được sử dụng: 5.597.948.603 đồng

\*Tổng số đã chi đến thời điểm báo cáo: 5.100.079.150 đồng

Tỷ lệ đạt: 91,11% tổng ngân sách cấp.

+ Nguồn 13:

- Kinh phí lương ổn định: 4.856.558.051 đồng

Đã chi: 4.473.200.218 đồng.

Tồn : 383.357.833 đồng.

- Kinh phí thuê lao động: 274.591.552 đồng

Đã chi bảo vệ, cấp dưỡng, GV: 192.291.016 đồng

Tồn: 82.300.536 đồng

- Dự toán tổng dự toán được sử dụng: 5.597.948.603 đồng

Tổng số đã chi đến thời điểm báo cáo: 5.100.079.150 đồng

- Kinh phí hoạt động: 452.299.000 đồng

Đã chi : 420.087.916 đồng.

Tồn : 32.211.084 đồng.

Do thực hiện nhiệm vụ chưa hết năm tài chính nên số dự toán còn lại tiếp tục sử dụng đến hết năm 2025.

Trên đây là báo cáo thường niên của Trường Mầm non Định An theo Thông tư 09 /2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân./.

**Nơi nhận:**

- Website;
- Viên chức;
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Nguyễn Thị Ánh Nguyệt".

**Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

